

Lớp	STTHS	Họ và tên		Nữ	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý	Tiếng Anh	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tin học	ĐTB	XLHL	XLHK	CP	KP	KQ
8A5	38	Nguyễn Vũ Công	Thành		6.0	3.5	5.0	5.2	4.1	4.9	9.5	3.5	7.3	6.9	Đ	Đ	Đ	6.4	5.7	Tb	K			LL
8A6	24	Hồ Nguyễn Hoàng	Minh		3.8	5.7	4.7	4.9	5.7	5.3	5.7	5.1	7.9	6.8	Đ	Đ	Đ	7.3	5.7	Tb	K	1	0	LL
8A6	27	Dương Minh	Quang		8.5	4.4	3.7	6.9	6.1	6.5	5.8	4.2	8.5	7.1	Đ	Đ	Đ	7.3	6.3	Tb	K	0	2	LL
8A6	34	Đỗ Anh	Thư	X	3.8	4.0	4.9	6.5	5.8	5.3	5.9	5.8	7.4	6.0	Đ	Đ	Đ	7.5	5.7	Tb	K			LL
8A6	37	Trương Thị Thu	Thương	X	3.8	4.4	3.6	5.1	5.9	4.0	4.6	4.5	9.1	6.9	Đ	Đ	Đ	7.0	5.4	Tb	K	1	1	LL
8A6	41	Nguyễn Đức	Trí		4.3	3.7	3.6	3.7	5.8	5.0	5.5	5.4	7.8	5.6	Đ	Đ	Đ	6.9	5.2	Tb	K	0	5	LL
8A6	42	Trần Văn	Trung		5.0	5.7	4.0	4.5	5.6	4.4	7.4	5.0	8.8	8.4	Đ	Đ	Đ	7.2	6.0	Tb	K	0	9	LL
8A8	11	Bùi Ngọc Ái	Hân	X	6.0	3.9	3.7	5.8	5.8	6.0	6.6	4.7	7.3	6.5	Đ	Đ	Đ	8.4	5.9	Tb	K	0	1	LL
8A8	33	Vũ Thanh	Phương	X	3.5	3.9	4.5	6.5	5.3	3.9	5.5	4.9	7.7	6.5	Đ	Đ	Đ	6.8	5.4	Tb	K	1	0	LL
8A8	35	Đặng Quốc	Thắng		2.0	4.6	4.2	4.3	5.0	4.7	7.5	4.7	6.7	6.5	Đ	Đ	Đ	6.1	5.1	Y	K	0	5	LB
8A8	38	Trần Bảo	Thy	X	3.8	3.5	4.1	5.1	6.0	8.0	5.3	4.5	7.9	5.8	Đ	Đ	Đ	6.4	5.5	Tb	K			LL

Tân Bình, ngày 23 tháng 6 năm 2022

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Thanh Uyên